TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Bà Trần Thị Kim Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Hoài T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn T1**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Hoài T trình bày và yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đặng Văn T1 xây dựng hôn nhân từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bên gia đình anh T1 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chị T và anh T1 sống chung được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do không có tiếng nói chung, anh T1 không lo làm ăn nên đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Như Ý, sinh ngày 27/5/2011, hiện con chung đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị Thương yêu C được nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T cho rằng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản ngày 22/5/2025, bị đơn anh Đặng Văn T1 trình bày:* Trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung như đơn khởi kiện là đúng. Theo yêu cầu của chị T thì anh T1 có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị T sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, anh T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh T1 và chị T có 01 con chung tên Trần Như Ý, sinh ngày 27/5/2011, hiện đang sống cùng với chị T từ khi ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Hoài T và anh Đặng Văn T1; Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Trần Như Ý cho chị Trần hoài T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Hoài T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T1; bị đơn anh T1 cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Trần Hoài T và anh Đặng Văn T1 đều có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoài T, anh Đặng Văn T1 sống chung như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 không được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Hoài T và anh Đặng Văn T1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Hoài T và anh Đặng Văn T1 thừa nhận có 01 con chung tên Trần Như Ý sinh ngày 27/5/2011, hiện do chị Trần Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Thương yêu C được nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con và được anh T1 đồng ý; con chung Trần Như Ý có nguyện vọng ở với chị T khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Hoài T phải nộp án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Hoài T và anh Đặng Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Như Ý, sinh ngày 27/5/2011 cho chị Trần Hoài T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hoài T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012104 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Trần Hoài T đã nộp đủ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Thới Hoà, huyện Trà Ôn;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Luân